TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 17-07-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Sùng Seo Chử

2.Bà Lồ Củi Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Thào Văn Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1.Nguyễn Tam S; sinh ngày 27 tháng 01 năm 1974, tại Cẩm Khê - Phú Thọ.

- Nơi thường trú: Tổ 19C, phường D, TP. L, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: Tổ 34, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Năm C (Tên gọi khác: Nguyễn Đức C, sinh năm 1945) và bà Đỗ Thị Ng (sinh năm 1946); Có vợ là Đỗ Thị Th và 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Văn Q**; sinh ngày 17 tháng 3 năm 1994 tại Văn Yên - Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn K (sinh năm 1970) và bà: Đặng Thị T (sinh năm 1971); Có vợ là Bàn Thị Ch1 và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự (ngày 08/3/2018 bị UBND xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi gây thương tích).

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Mai Văn S**; sinh ngày 10 tháng 02 năm 1969 tại Tiên Lãng - Hải Phòng.

Nơi thường trú: thôn Ph, xã Q, huyện T, TP. Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Mai Văn L1 (đã chết) và bà: Vũ Thị S1 (đã chết); Có vợ là Vũ Thị X và 03 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Công H**; sinh ngày 07 tháng 10 năm 1977, tại Tiên Lãng – Hải Phòng.

Nơi thường trú: Khu 3, thị trấn T, huyện T, TP. Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Công Đ (sinh năm 1952) và bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1957); Có vợ là Lê Thị D (đã ly hôn tháng 3/2020) và 03 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Hoàng Văn Q1**; sinh ngày 04 tháng 11 năm 1976 tại Lập Thạch, Vĩnh Phúc.

Nơi thường trú: Khu phố 5, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nơi đã cư trú: Thôn P, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn Y (sinh năm 1948) và bà Nguyễn Thị M1 (sinh năm 1948); có vợ là Nguyễn Thị Th1 và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Nguyễn Quang L**; sinh ngày 28 tháng 11 năm 1985 tại Văn Yên – Yên Bái.

Nơi thường trú: Tổ 2, khu III, thị trấn M, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang S1 (sinh năm 1957) và bà Nguyễn Thị L2 (sinh năm 1961); có vợ là Đặng Hồng Th2 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Lê Văn Ch**; sinh ngày 30 tháng 12 năm 1969 tại Yên Bình – Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện B, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 07/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Ngọc Tr (tên gọi khác: Lê Ngọc Ch3, đã chết) và bà: Nguyễn Thị X1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Hồng H3 và 01 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 18/9/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử tuyên phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc (đã được xóa án tích); Ngày 29/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử tuyên phạt 15 tháng tù về tội đánh bạc (đã được xóa án tích).

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

8. Họ và tên: **Phùng Đăng Kh**; sinh ngày 05 tháng 7 năm 1964, tại Lương Tài, Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn t, xã TH, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 07/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Đăng M3 (đã chết) và bà Trần Thị H4 (sinh năm 1943); có vợ là Nguyễn Thị Ng và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng:

-Ông Thiều Anh C1, Ông Trần Văn C2, Ông Phan Văn C3, Cán bộ thuộc Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an, Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

-Ông Vàng Seo C4 trú tại Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ ngày 12/01/2019, tại lán dựng tạm thuộc khu vực thôn km 15, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai, Tổ công tác thuộc Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an, phối hợp với Phòng Cảnh sát hình sự (PC02) Công an tỉnh Lào Cai bắt quả tang Nguyễn Tam S, Trần Văn Q, Nguyễn Quang L, Nguyễn Công H, Mai Văn S, Lê Văn Ch, Hoàng Văn Q1 và Phùng Đăng Kh đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa.

Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc bao gồm: Tiền mặt là 123.000.000 đồng; 06 (sáu) bảng vị kích thước 50 x 50 cm; 04 (bốn) đĩa con, 03 (ba) bát con; 04 quân bài vị hình tròn, đường kính khoảng 1,5cm, được đột từ bài tú lơ khơ hai lá rô và hai lá cơ; 01 (một) đột khuôn bằng sắt, hình trụ, dài khoảng 12cm, đường kính khoảng 1,5cm, một đầu có lỗ tròn để đột quân bài vị; và một số vật chứng khác. Ngoài ra cơ quan điều tra còn tạm giữ của Nguyễn Tam S: 01 (một) điện thoại di động SAMSUNG Galaxy A8 màu trắng, 4.900.000 đồng; Trần Văn Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, màu xanh, 01 (một) ví giả da màu đen; 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Trần Văn D; Lê Văn Ch: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6, màu vàng; Hoàng Văn Q1: 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy Note 8, 01 (một) ô tô Ford Ranger màu bạc, biển số 21C-040.48; Phùng Đăng Kh: 01 (một) ví giả da màu nâu, 01 (một) chứng minh nhân dân số 12556710, 01 thẻ ATM (đều mang tên Phùng Đăng Kh), 01 (một) chứng minh nhân dân số 125567054 mang tên Nguyễn Thị Ng; Mai Văn S: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng trắng; Nguyễn Quang L: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu gold; Nguyễn Công H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen.

Quá trình điều tra xác định được:

Ngày 12/01/2019, Nguyễn Tam S, Nguyễn Công H, Phùng Đăng Kh, Nguyễn Quang L, Hoàng Văn Q1, Lê Văn Ch, Mai Văn S, Trần Văn Q không có mối quan hệ quen biết nhau, nhưng cùng tập trung ở khu vực lán tạm dựng tại thôn Km 15 xã Bản Lầu, huyện Mường Khương để thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền, mỗi ván cược thấp nhất là 50.000 đồng. Các đối tượng ngồi tại bạt trong lán tạm, trong đó S là người trực tiếp cắt quân, chuẩn bị dụng cụ và xóc cái; H, S, Ch, Kh, L, Q1 là người tham gia đặt tiền cược, Q là người canh gác.

Cách thức đánh xóc đĩa được quy định như sau: người cầm cái xóc đĩa cho quân bài vị gồm 04 quân hình tròn, được đục từ quân bài tú lơ khơ lấy ra 02 chất cơ và 02 chất dô (một mặt đỏ và 01 mặt trắng) theo quy ước sau khi xóc đĩa xong người tham gia chơi đặt tiền bên chẵn hoặc lẻ bên chẵn được quy định là bên tay phải là chẵn, bên trái là lẻ số tiền đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng/ván, không giới hạn mức cao nhất, với tỉ lệ ăn thua 50/50.

Các bị cáo đã sử dụng số tiền để đánh bạc cụ thể như sau: H có 3.300.000 đồng, S có 6.000.000 đồng, Q1 có 1.700.000 đồng, L có 1.700.000 đồng, Khiêm có 1.100.000 đồng, Ch có 1.600.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Tổng cộng là

15.900.000 đồng; S là người cầm cái, xóc đĩa cho các đối tượng tham gia đặt cược; Q là người canh gác, mở cổng cho các đối tượng vào tham gia đánh bạc.

Khi bị bắt quả tang, các bị cáo và những người làm chứng đã khai nhận: Khi lực lượng Công an đến, người chơi bạc và nhiều người đến xem tại lán bỏ chạy, tiền và đồ vật bị rơi ra ngoài, sau đó Công an thu giữ gom vào để trên chiếu bạc và lập biên bản. Kết luận điều tra ngày 19/6/2019 của Công an huyện Mường Khương có nội dung: *Quá trình điều tra, cơ quan điều tra không xác định được những đối tượng có liên quan (Quyết "trọc" là chủ sới bạc, Phi là cảnh giới, Thắng là người giao bộ dụng cụ sóc đĩa cho S; và các đối tượng làm hồ lỳ tại sới bạc) cùng với 40 đối tượng bị bắt giữ nhưng không chứng minh được hành vi phạm tội nên đã được trả tự do; do đó cơ quan điều tra chưa làm rõ được số tiền 107.000.000 đồng thu giữ được tại chiếu bạc*. Kết luận điều tra bổ sung số 01/KLĐT-BS ngày 25/8/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Khương có nội dung: *Tổng số tiền mà các bị can đã sử dụng vào việc đánh bạc là 4.600.000 đồng, số tiền còn lại 11.300.000 đồng các bị can mang theo nhằm mục đích sử dụng để đánh bạc. Số tiền còn lại 107.100.000 đồng, quá trình điều tra đến nay không làm rõ được với lý do ngoài 08 bị can bị khởi tố ra còn có rất nhiều người bỏ chạy, không truy bắt được, cùng với 40 đối tượng mặc dù đã bị bắt giữ nhưng không chứng minh được hành vi phạm tội nên đã được trả tự do.*

Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 27/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tam S, Trần Văn Q, Nguyễn Công H, Phùng Đăng Kh, Mai Văn S, Hoàng Văn Q1, Nguyễn Quang Long, Lê Văn Ch về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Sau khi Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án qua nghiên cứu hồ sơ và thẩm vấn tại phiên tòa, ngày 19/12/2019 Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân hyện Mường Khương đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung.

Tại Cáo trạng bổ sung số 01/CT-VKS ngày 02/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương đã truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Sau khi thụ lý lại vụ án, ngày 20/01/2020, Tòa án nhân dân huyện Mường Khương đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ các chứng cứ để chứng minh số tiền 123.000.000đồng thu giữ tại với bạc theo biên bản bắt người phạm tội quả tang là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Đến ngày 04/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương đã có công văn số 40/CV-VKS, nội dung về "*số tiền 123.000.000 đồng khi cơ quan điều tra bắt quả tang đã thu giữ tại chiếu bạc, quá trình điều tra xác định được 15.900.000 đồng là số tiền các bị can dùng vào việc đánh bạc, số tiền còn lại 107.100.000 đồng là của những người khác tham gia đánh bạc khi bị bắt quả tang đã bỏ chạy, được cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc do đó các bị can phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền nêu trên".* Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung cáo trạng bổ sung số 01/CT-VKS ngày 02/01/2020.

Do chưa đầy đủ chứng cứ để buộc tội các bị cáo, Tòa án nhân dân huyện Mường Khương đã tiến hành xác minh tại Công an xã Bản Lầu, Công an tỉnh Lào Cai và có văn bản yêu cầu Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an giải thích nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 12/01/2019 cũng như nêu rõ việc thu giữ số tiền 123.000.000 đồng là tiền thu được tại đâu, của ai, cụ thể là bao nhiêu; và yêu cầu triệu tập điều tra viên, cán bộ lập biên bản đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm để làm rõ

các nội dung trên. Tại văn bản số 2845/C02-P7 ngày 16/6/2020 của Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an và các bản giải trình của Điều tra viên, cán bộ điều tra thuộc Cục Cảnh sát hình sự - Bộ công an có nội dung: *Khi lực lượng công an ập vào bắt quả tang thì các đối tượng bỏ chạy toán loạn, lợi dụng địa hình, đồi núi hiểm trở để trốn thoát, lực lượng tham gia bắt giữ phải tiến hành truy đuổi, đưa các đối tượng về vị trí chiếu bạc, trong đó một số đối tượng đã trốn thoát. Tại chiếu bạc tổ công tác thu giữ số tiền 123 triệu đồng cùng các đồ vật, dụng cụ, số tiền đồ vật trên được phát hiện rải rác nhiều vị trí trên chiếu bạc, tại thời điểm bắt quả tang chưa đủ căn cứ để xác định số tiền 123 triệu đồng thu giữ nói trên là của những ai và cụ thể là bao nhiêu. Cục cảnh sát hình sự Bộ công an đã chuyển toàn bộ hồ sơ và các đối tượng cho phòng cảnh sát hình sự công an tỉnh Lào Cai đấu tranh làm rõ.*

Tại biên bản làm việc ngày 19/5/2020 tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai, có nội dung: Khi tổ công tác của phòng cảnh sát hình sự công an tỉnh Lào Cai đến địa điểm xảy ra vụ việc thì chỉ cử cán bộ tham gia việc lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, có xác định số tiền thu giữ được là 123.000.000 đồng, còn cụ thể thu giữ của ai, tại vị trí nào thì không được biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai, khẳng định tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 15.900.000đồng, số tiền còn lại thu giữ theo biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 12/01/2019 không biết là của ai, các bị cáo đều nhìn thấy số tiền đó do cán bộ điều tra thu gom trên chiếu, xung quanh lán, đưa vào trong lán để kiểm đếm. Ngoài các bị cáo tham gia đánh bạc, các bị cáo thấy có người khác tham gia đánh bạc nhưng không xác định được là ai, đánh như thế nào vì không để ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tại phiên tòa giữ nguyên nội dung Cáo trạng bổ sung đã truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 17, 58 của Bộ luật hình sự, Xử phạt bị cáo Nguyễn Tam S từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung từ 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng; Xử phạt bị cáo Lê Văn Ch, Mai Văn S từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; phạt bổ sung từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng;

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự, Xử phạt các bị cáo Nguyễn Công H, Phùng Đăng Kh, Hoàng Văn Q1, Nguyễn Quang L, Trần Văn Q từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy toàn bộ số vật chứng không còn giá trị sử dụng; Áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 123.000.000đồng là tiền thu giữ tại chiếu bạc. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 3.100.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Tam S.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên án phí đối với các bị cáo theo quy định.

Lời nói sau cùng của các bị cáo, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật cho các bị cáo được hưởng án treo và mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó về trình tự, thủ tục điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2]Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, từ đó có đủ cơ sở xác định:

Ngày 12/01/2019, Các bị cáo Nguyễn Tam S, Nguyễn Công H, Hoàng Văn Q1, Nguyễn Quang L, Mai Văn S, Phùng Đăng Kh, Trần Văn Q đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền thì bị bắt quả tang. Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã làm rõ được số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 15.900.000 đồng; số tiền còn lại 107.100.000 đồng theo biên bản bắt người phạm tội quả tang là thu giữ "trên chiếu bạc", quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khẳng định số tiền trên là do quá trình bắt giữ cán bộ thuộc cơ quan điều tra đã thu giữ được tại nhiều nơi trên chiếu bạc, xung quanh lán gom vào để kiểm đếm. Lời khai của những người làm chứng trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện số tiền thu giữ theo biên bản bắt người phạm tội quả tang là thu giữ tại nhiều vị trí trong lán, xung quanh lán, không biết là tiền của ai. Tòa án đã có văn bản yêu cầu cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ, trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, trực tiếp xác minh thu thập chứng cứ. Kết quả điều tra bổ sung, xác minh thu thập chứng cứ đều thể hiện không đủ căn cứ để xác định toàn bộ số tiền 123.000.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa chỉ xác định được số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc là 15.900.000 đồng; số tiền còn lại cơ quan điều tra, viện kiểm sát không chứng minh được là tiền của ai, sử dụng để làm gì, các chứng cứ không đủ căn cứ để xác định là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Kết luận điều tra và Kết luận điều tra bổ sung của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Khương cũng kết luận không đủ căn cứ chứng minh toàn bộ số tiền thu giữ tại chiếu bạc là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" là đúng người, đúng tội. Vì: Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc dưới 20.000.000 đồng, tổng số người chơi dưới 10 người, Nguyễn Tam S và Trần Văn Q đều chưa bị xử phạt hành chính chưa bị kết án về hành vi đánh bạc. Mặc dù S là người chuẩn bị dụng cụ, trực tiếp cầm cái xóc đĩa nhưng quá trình cầm cái S chỉ được trả tiền do người tham gia đánh bạc trả; Q là người canh gác được hứa trả 200.000 đồng/ngày nhưng không xác định được người thuê, do đó không đủ căn cứ xác định S, Q có hành vi Tổ chức đánh bạc, mà chỉ đồng phạm với các bị cáo khác về tội đánh bạc theo quy định tại Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Do không chứng minh được toàn bộ số tiền thu giữ tại chiếu bạc theo biên bản bắt người phạm tội quả tang là tiền của các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương truy tố các bị cáo về tội đánh bạc theo điểm b

khoản 2 Điều 321 "*Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên"* là chưa đủ căn cứ. Theo quy định tại Điều 13 của Bộ luật tố tụng hình sự, *khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội*. Theo quy định tại Điều 15 của Bộ luật tố tụng hình sự, "*Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội".* Theo quy định tại khoản 2 Điều 87 của Bộ luật tố tụng hình sự, "*Những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự.*

Do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét, đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận, đối đáp tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[3]**Về tính chất hành vi phạm tội**: Hành vi của các bị cáo đã xâm hại trật tự an toàn xã hội, trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi đánh bạc nên xác định là đồng phạm giản đơn, tính chất phạm tội được xác định trên cơ sở nhân thân và số tiền từng bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Như phân tích ở phần nội dung thì các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ chỉ chứng minh được các bị cáo đã sử dụng số tiền 15.900.000đồng để đánh bạc. Theo văn bản số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020, thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử của Tòa án nhân dân tối cao, tại mục 13 phần I.Hình sự, có hướng dẫn giải quyết vướng mắc trong xét xử vụ án đánh bạc như sau: "*Tùy vào vụ việc cụ thể mà xác định trách nhiệm hình sự và mức hình phạt của các bị cáo. Cụ thể: ..., Số tiền mỗi bị cáo dùng vào việc đánh bạc là một trong những căn cứ để Tòa án xem xét, đánh giá tính chất mà mức độ nguy hiểm của tội phạm khi quyết định hình phạt đối với mỗi bị cáo; đối với trường hợp con bạc đánh với chủ bạc (như lô đề, cá độ bóng đá, đua ngựa, xóc đĩa...) thì việc xác định khung hình phạt và mức hình phạt phải căn cứ vào số tiền từng bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì việc chứng minh số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng".*

Như vậy việc các cơ quan tiến hành tố tụng không chứng minh được toàn bộ số tiền 123.000.000 đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên không đủ căn cứ kết tội các bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, xét xử các bị cáo về tội danh "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều là người có khả năng nhận thức, có năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật. Nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi xóc đĩa nhằm mục đích được thua bằng tiền, với tổng số tiền là 15.900.000 đồng (mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng).

Về vai trò cụ thể của từng bị cáo được đánh giá như sau:

Bị cáo Nguyễn Tam S là người được đối tượng tên Th4 gọi đến để xóc đĩa cho các đối tượng khác tham gia chơi, dụng cụ do đối tượng Thắng chuẩn bị sẵn và giao lại cho S; S là người trực tiếp sử dụng đột khuôn để đục quân bài sử dụng cho 01 đợt xóc đĩa; Tiền công của mỗi lần xóc đĩa (tính theo ca) do những người tham gia chơi trả tiền. Quá trình điều tra không xác định được người tên Th4 ở đâu, làm gì nên chưa đủ căn cứ để xử lý; do đó không đủ căn cứ để xác định bị cáo S có hành vi tổ chức đánh bạc. Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo S là đồng phạm với các bị cáo khác và phải chịu trách nhiệm đối với tổng số tiền đánh bạc là 15.900.000đồng.

Bị cáo Trần Văn Q được một người tên Ph giới thiệu đến xới bạc làm nhiệm vụ gác, mở cổng, đồng thời canh gác, cảnh giới cho xới bạc hoạt động, tiền công sẽ do Phi trả với giá 200.000đ/ngày. Q khai nhận đã làm tại xới được 04 ngày nhưng chưa được trả tiền công, ngày 12/01/2019 khi đang canh gác thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Quá trình điều tra không xác định được đối tượng Ph làm gì, ở đâu nên chưa đủ căn cứ để xử lý, quá trình điều tra cũng không xác định được xới bạc đã hoạt động từ trước mà chỉ chứng minh được tội phạm trong lần bắt quả tang, nên Q được đánh giá với vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Công H đã sử dụng 3.300.000đồng, **Mai Văn S** sử dụng 6.000.000đồng, **Hoàng Văn Q1** đã sử dụng 1.700.000đồng, **Nguyễn Quang L** đã dùng 1.700.000 đồng, **Phùng Đăng Kh** đã sử dụng 1.100.000 đồng, **Lê Văn Ch** đã sử dụng 1.600.000 đồng để đánh bạc; Do đó các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[4] **Nhân thân**: Bị cáo Trần Văn Q có một tiền sự (Ngày 08/3/2018 bị UBND xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi gây thương tích). Bị cáo Lê Văn Ch không có tiền án; ngày 18/9/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử tuyên phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc (đã được xóa án tích); Ngày 29/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử tuyên phạt 15 tháng tù về tội đánh bạc (đã được xóa án tích). Nên lần phạm tội này không được xác định là có nhân thân tốt.

Các bị cáo khác đều không có tiền án, tiền sự.

[5]**Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định của pháp luật.

Tình tiết giảm nhẹ:

Hành vi phạm tội của các bị cáo được coi là mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, mức cao nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là phạt tù đến 03 năm, nên thuộc trường hợp "tội phạm ít nghiêm trọng" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật hình sự. Đối chiếu theo quy định của pháp luật, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài lần vi phạm này, các bị cáo đều chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Các bị cáo đều có xác nhận của chính quyền địa phương về việc chấp hành tốt các quy định của nhà nước, pháp luật tại địa phương.

Các bị cáo Nguyễn Tam S, Phùng Đăng Kh, Nguyễn Công H, Hoàng Văn Q1, Lê Văn Ch được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự do các bị cáo là thân nhân của người có công với cách mạng. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Công H hiện đã ly hôn và đang nuôi con nhỏ dưới 18 tuổi, do đó Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá hoàn cảnh của các bị cáo khi lượng hình. Đối với bị cáo Lê Văn Ch, mặc dù có nhân thân xấu, tuy nhiên trong vụ án này bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc là 1.600.000 đồng (thuộc trường hợp ít nghiêm trọng) có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo cũng có xác nhận của chính quyền địa phương về việc chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước tại địa phương; Bị cáo có bố được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, anh trai được tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhì; đang là lao động chính trong gia đình, do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo. Đối với bị cáo Trần Văn Q mặc dù có tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng bị cáo cũng có xác nhận của UBND xã An Bình về việc bị cáo bị xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau nhưng bị cáo là người bị đánh; trong vụ án này, bị cáo đồng phạm với vai trò giúp sức, không tham gia đánh bạc và chưa được hưởng lợi ích; là lao động chính trong gia đình. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn có khả năng cải tạo giáo dục và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó căn cứ Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho các bị cáo Nguyễn Tam S, Trần Văn Q, Mai Văn S, Nguyễn Công H, Lê Văn Ch được hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với Hoàng Văn Q1, Nguyễn Quang L, Phùng Đăng Kh, các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần phạm tội này thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng, số tiền sử dụng đánh bạc không lớn, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều xác định có tài sản, có thu nhập và có khả năng thi hành hình phạt tiền; do đó Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo Q1, L, Kh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

Trong vụ án này còn có các đối tượng khác là Q3, Th4, Ph tuy nhiên quá trình điều tra không xác định được tên tuổi địa chỉ, do đó chưa đủ căn cứ để xử lý. Đối với 40 đối tượng bị tạm giữ tại địa điểm xảy ra vụ án, quá trình điều tra không làm rõ được hành vi đánh bạc; Một số đối tượng đã đi khỏi địa phương, không xác định được đi đâu, làm gì nên không có căn cứ để xử lý.

[6]Về hình phạt bổ sung:

Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Tam S, Trần Văn Q, Nguyễn Công H, Mai Văn S, Lê Văn Ch theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đối với Hoàng Văn Q1, Nguyễn Quang L và Phùng Đăng Kh do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại Điều 32 của Bộ luật hình sự.

[7]Về vật chứng:

-Vật chứng là tiền bao gồm: số tiền 123.000.000 đồng thu giữ tại xới bạc trong đó có: 15.900.000đồng (mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; Số tiền còn lại là 107.000.000

đồng (Một trăm linh bảy triệu đồng) thu giữ theo biên bản bắt người phạm tội quả tang, do không xác định được chủ sở hữu, căn cứ vào b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp Ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền tạm giữ của Nguyễn Tam S: 3.100.000đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng), quá trình điều tra không chứng minh được là tiền do S phạm tội mà có nên cần trả lại cho bị cáo, tuy nhiên bị cáo còn phải thi hành hình phạt tiền và án phí nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

-Các vật chứng khác thu giữ được bao gồm:

+Vật chứng được niêm phong trong 01 cặp số màu đen, kích thước 40x30x15 (cm), trên giấy dán niêm phong có chữ ký của Phạm Văn Phiếm, Nguyễn Ngọc Toàn, bên trong có: 06 (sáu) bảng vị kích thước 50 x 50 cm; 04 (bốn) đĩa con, 03 (ba) bát con; 04 quân bài vị hình tròn, đường kính khoảng 1,5cm, được đột từ bài tú lơ khơ hai lá rô và hai lá cơ; 01 (một) đột khuôn bằng sắt, hình trụ, dài khoảng 12cm, đường kính khoảng 1,5cm, một đầu có lỗ tròn để đột quân bài vị; 01 chiếc đục bằng gỗ dài khoảng 30cm, hình tứ giác, một đầu kích thước khoảng 2,5 x 2,5cm, một đầu kích thước khoảng 2,5x3cm; 01 miếng gỗ hình vuông, kích thước khoảng 12x12cm, dày khoảng 1,5cm, dùng để đột quân bài vị, để đánh bạc; Hai máy bộ đàm màu đen.

+Vật chứng không niêm phong, gồm: 02 tấm thảm màu đỏ; 09 bóng điện; 22 ghế gỗ; 01 đồng hồ treo tường, nhãn hiệu CONTIN; 02 (hai) tấm bạt nhựa một mặt màu xanh nước biển, một mặt màu da cam; 01 (một) tấm bạt nhựa màu đen; 01 (một) tấm bạt nhựa kẻ sọc trắng đỏ xanh; 01 tấm bạt nhựa kẻ sọc trắng xanh; 01 (một) tấm bạt nhựa màu xanh nước biển; 02 (hai) chiếc quạt cây; 01 (một) dây điện nối với 09 đui cài bóng đèn và 05 ổ cắm điện; 03 (ba) tấm bảng vị; 01 bình ga, loại bình ga du lịch, màu đỏ trắng có chữ Max in trên bình; 01 đầu khò, loại sử dụng cho bếp ga du lịch; 01 bát loa đã bị hỏng có gắn nam châm; 01 quân bài tú lơ khơ 5 rô (trên quân bài bị đọc 02 lỗ hình tròn, đường kính 1,5cm; 01 quân bài tú lơ khơ 6 cơ (trên quân bài bị đục 02 lỗ hình tròn,đường kính 1,5cm); 01 cuộn băng keo y tế; 02 bộ bài tú lơ khơ chưa sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/9/2019)

Xét thấy đây là vật chứng được các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và có liên quan đến hành vi phạm tội, đã qua sử dụng và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8]Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tam S, Trần Văn Q, Mai Văn S, Nguyễn Công H, Lê Văn Ch, Phùng Đăng Kh, Nguyễn Quang L, Hoàng Văn Q1 phạm tội "Đánh bạc".

1.2. Áp dụng Khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Tam S 02 (Hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường C, thành

phố L, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.3. Áp dụng Khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt Mai Văn S 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.4. Áp dụng Khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt Lê Văn Ch 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.5. Áp dụng Khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Công H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.6. Áp dụng Khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt Trần Văn Q 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A,huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.7. Áp dụng Khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 32, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt tiền đối với Hoàng Văn Q1, số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

1.8. Áp dụng Khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 32, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt tiền đối với Nguyễn Quang L, số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

1.9. Áp dụng Khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 32, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt tiền đối với Phùng Đăng Kh, số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự,

Phạt Nguyễn Tam S số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng), nộp Ngân sách nhà nước.

Phạt các bị cáo Nguyễn Công H, Lê Văn Ch, Mai Văn S mỗi bị cáo 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng), nộp Ngân sách nhà nước.

Phạt bị cáo Trần Văn Q số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) nộp Ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3.Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

+Vật chứng được niêm phong trong 01 cặp số màu đen, kích thước 40x30x15 (cm), trên giấy dán niêm phong có chữ ký của Phạm Văn Phiếm, Nguyễn Ngọc Toàn, bên trong có: 06 (sáu) bảng vị kích thước 50 x 50 cm; 04 (bốn) đĩa con, 03 (ba) bát con; 04 quân bài vị hình tròn, đường kính khoảng 1,5cm, được đột từ bài tú lơ khơ hai lá rô và hai lá cơ; 01 (một) đột khuôn bằng sắt, hình trụ, dài khoảng 12cm, đường kính khoảng 1,5cm, một đầu có lỗ tròn để đột quân bài vị; 01 chiếc đục bằng gỗ dài khoảng 30cm, hình tứ giác, một đầu kích thước khoảng 2,5 x 2,5cm, một đầu kích thước khoảng 2,5x3cm; 01 miếng gỗ hình vuông, kích thước khoảng 12x12cm, dày khoảng 1,5cm, dùng để đột quân bài vị, để đánh bạc; Hai máy bộ đàm màu đen.

+Vật chứng không niêm phong, gồm: 02 tấm thảm màu đỏ; 09 bóng điện; 22 ghế gỗ; 01 đồng hồ treo tường, nhãn hiệu CONTIN; 02 (hai) tấm bạt nhựa một mặt màu xanh nước biển, một mặt màu da cam; 01 (một) tấm bạt nhựa màu đen; 01 (một) tấm bạt nhựa kẻ sọc trắng đỏ xanh; 01 tấm bạt nhựa kẻ sọc trắng xanh; 01 (một) tấm bạt nhựa màu xanh nước biển; 02 (hai) chiếc quạt cây; 01 (một) dây điện nối với 09 đui cài bóng đèn và 05 ổ cắm điện; 03 (ba) tấm bảng vị; 01 bình ga, loại bình ga du lịch, màu đỏ trắng có chữ Max in trên bình; 01 đầu khò, loại sử dụng cho bếp ga du lịch; 01 bát loa đã bị hỏng có

gắn nam châm; 01 quân bài tú lơ khơ 5 rô (trên quân bài bị đọc 02 lỗ hình tròn, đường kính 1,5cm; 01 quân bài tú lơ khơ 6 cơ (trên quân bài bị đục 02 lỗ hình tròn,đường kính 1,5cm); 01 cuộn băng keo y tế; 02 bộ bài tú lơ khơ chưa sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/9/2019)

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 123.000.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), Tạm giữ số tiền 3.100.000đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng) của Nguyễn Tam S để đảm bảo thi hành án. Tổng số tiền tịch thu và tạm giữ là 126.100.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng) hiện tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.9047313 của Công an huyện Mường Khương theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 19/6/2019 tại kho bạc nhà nước huyện Mường Khương (tiền vật chứng của vụ đánh bạc). Số tiền này cần chuyển sang tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự Mường Khương để phục vụ công tác thi hành án.

4/Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Nguyễn Tam S, Trần Văn Q, Mai Văn S, Nguyễn Công H, Phùng Đăng Kh, Lê Văn Ch, Hoàng Văn Q1, Nguyễn Quang L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lào Cai;
-VKSND tỉnh+huyện;
-Các Bị cáo;
-Công an huyện Mường Khương 2;
- Chi cục THADS huyện Mường Khương;
- Sở tư pháp;
-UBND xã, phường nơi các bị cáo cư trú(8)[1]
- Lưu hồ sơ + TA+THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lý Thị Minh Yên

[1] *UBND xã A, huyện Y, UBND xã Đ, huyện B (tỉnh Yên Bái); UBND phường C, TP L; UBND thị trấn T,UBND xã Q (huyện T. TP.HP);*